

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41/2020/DS-ST

Ngày 27 - 11 - 2020

*“V/v Tranh chấp quyền về lối đi qua
và quyền mắc đường dây tải điện”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thuôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Minh Hào

2. Ông Kim Diễm

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Kim Mau, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2017/TLST-DS, ngày 31 tháng 3 năm 2017 về việc *“Tranh chấp quyền về lối đi qua và mắc đường dây tải điện”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 9 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 30/2019/QĐST-DS ngày 16/10/2019, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 36/2019/QĐST-DS ngày 12/11/2019, thông báo tiếp tục phiên tòa số 10/TB-TA ngày 30/10/2020 và thông báo dời thời gian mở phiên tòa số 02/TB-TA ngày 10/11/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1933.

Trú tại ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1964; trú tại ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 24/10/2018)

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Minh T, sinh năm 1989.

2. Chị Trần Thị Ngọc Th, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị Ngọc Th, sinh năm 1993 trú tại ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 26/6/2017) (vắng mặt).

3. Ông Ngô Hồng Th, sinh năm 1979; địa chỉ khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Bà Trần Thị Điền
– Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2017, bản tự khai ngày 28/12/2017 của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày: Nguồn gốc phần diện tích đất (lối đi) ngang khoảng 06 mét, dài khoảng 100 mét, trên thửa 516, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp Giồng Lớn B, xã Định An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh đang tranh chấp là của ông Trương Văn H là ông nội của vợ ông để lại dùng làm đường đi cho con cháu trong thân tộc đi lại, gia đình ông đã sử dụng lối đi này từ khoảng năm 1940 đến nay, trong đó có gia đình ông Trần Văn T (chết) và vợ là Huỳnh Thị M trước đây cũng có sử dụng lối đi này. Tuy nhiên, quá trình sử dụng thì hộ bà Huỳnh Thị M kê khai, sử dụng toàn bộ phần đất đường đi mà gia đình ông đã sử dụng từ xưa. Nay ông yêu cầu bà M phải giữ nguyên hiện trạng lối đi ngang khoảng 06 mét, dài khoảng 100 mét (thực đo ngang 4,25 mét, dài 99,56 mét), thuộc thửa 516, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp Giồng Lớn B, xã Định An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Đồng thời, phải cho ông được kéo đường dây điện trên phần lối đi này để phục vụ sinh hoạt hằng ngày.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày: Về nguồn gốc phần diện tích lối đi đang tranh chấp thì như ông D đã trình bày, bà không bổ sung. Tuy nhiên, về yêu cầu khởi kiện thì bên ông D xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bên bị đơn bà Huỳnh Thị M mở lối đi kích thước mặt trước giáp đường đanl ngang 2,8 mét, ngang mặt dưới giáp thửa 517 kích thước 2,8 mét; dài 99.6 mét (hết thửa) thuộc thửa 516, tờ bản đồ số 01 đất tọa lạc tại ấp Giồng Lớn B, xã Định An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh và yêu cầu được kéo đường dây tải điện trên lối đi. Phía nguyên đơn ông D không tranh chấp về quyền sử dụng đất đối với phần đất có lối đi thuộc thửa 516.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 13/4/2017, các bản tự khai ngày 29/12/2017, ngày 11/01/2018 và biên bản hòa giải ngày 11/01/2018 của bị đơn bà Huỳnh Thị M trình bày: Về nguồn gốc của thửa đất có lối đi đang tranh chấp là của bà Trầm Thị H (chết) để lại cho chồng của bà tên Trần Văn T, quá trình sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995. Sau khi chồng bà chết vào năm 2012 thì bà làm thủ tục thừa kế và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2014. Nguyên trên thửa đất này, khi còn sống chồng bà có chừa một lối đi ngang khoảng 02 mét dài hết thửa đất cho cho ông D đi lại sinh hoạt hằng ngày.

Nay bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông D, bà chỉ đồng ý để lại lối đi cho ông D đi lại theo hiện trạng cũ ngang khoảng 02 mét, dài hết thửa đất.

Theo bản tự khai và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đề ngày 29/10/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Hồng Th trình bày: Liên quan đến phần diện tích lối đi đang tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn D với bà Huỳnh Thị M có liên quan đến thửa đất số 515 do ông đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông thống nhất để lại lối đi theo hiện cũ với chiều rộng là 2,5 mét, mặt trước giáp đường đanl kích thước 1,3 mét và từ mặt trước về sau theo hiện trạng thực tế. Do bận công tác, không có thời gian đến tham gia quá trình tố tụng của Tòa án được nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông D, cho rằng phần lối đi đang tranh chấp đã được gia đình ông D sử dụng từ trước năm 1975 đến nay, việc bà Huỳnh Thị M không sử dụng phần đất có lối đi nhưng lại được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không hợp lý. Mặc dù phần lối đi hiện nay phía bị đơn chưa có rào, nhưng để đảm bảo việc đi lại của gia đình ông D về sau nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D công nhận phần lối đi cho ông D được sử dụng vĩnh viễn.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên về thời hạn chuẩn bị xét xử của vụ án là chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án nhận thấy: Nguyên đơn ông D yêu cầu bị đơn bà M giữ nguyên hiện trạng lối đi để gia đình ông được tiếp tục sử dụng, đồng thời cho gia đình ông được kéo đường dây tải điện trên phần lối đi. Xét thấy, thực tế hiện nay từ nhà của ông D để đi ra đường đanl công cộng thì phải đi qua lối đi trên thửa đất 516 do bị đơn đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần lối đi này đã hình thành từ trước năm 1975 đến nay, ngoài lối đi này thì ông D không còn lối đi nào khác. Do đó cần phải ưu tiên để gia đình ông D được tiếp tục sử dụng lối đi này theo quy định tại Điều 171 Luật đất đai năm 2013 và Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015. Đối với yêu cầu mắc đường dây tải điện trên phần đất có lối đi, nhận thấy hiện nay gia đình ông D chưa có điện sinh hoạt để sử dụng, để kéo được đường dây tải điện sử dụng thì ông D phải kéo qua phần đất có lối đi nên việc ông D yêu cầu là chính đáng.

Vì các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D, cho gia đình ông D được tiếp tục sử dụng lối đi theo hiện trạng xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/6/2018 của Tòa án, đồng thời cho gia đình ông D được kéo đường dây tải điện trên phần đất này. Phần đất thuộc một phần của thửa 516, tờ bản đồ số 1, có các tứ cận như sau: Phía Bắc (giáp

đường đanl) kích thước 2,8 mét; phía Nam giáp thửa 517 kích thước 2,8 mét; phía Đông giáp phần còn lại của thửa 515 kích thước 83,05 mét và phần còn lại của thửa 516, kích thước 16,4 mét; phía Tây giáp phần còn lại của thửa 516, kích thước 99.6 mét. Ngoài ra, Vị đại diện viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc các đương sự phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện thì ông Nguyễn Văn D yêu cầu bà M phải giữ nguyên hiện trạng lối đi ngang 6 mét dài 100 mét trên thửa đất số 516, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp Giồng Lớn B, xã Định An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh và yêu cầu được kéo đường dây tải điện trên phần lối đi này. Nên đây là vụ kiện “*Tranh chấp quyền về lối đi qua và quyền mắc đường dây tải điện*” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Quá trình tố tụng, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lối đi qua chỉ yêu cầu bị đơn trả lại hiện trạng lối đi kích thước 2,8 mét, dài 99.6 mét trên thửa đất số 516 và yêu cầu được mắc đường dây tải điện qua thửa đất số 516. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện về lối đi qua trên thửa đất số 516 thì không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận; đối với bị đơn bà Huỳnh Thị M, người có quyền lợi nghĩa vụ, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ngọc Th, đồng thời được ông Trần Minh T ủy quyền đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Hồng Th có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ phần hiện trạng lối đi tranh chấp có diện tích 264,9 m² thuộc một phần của thửa 515 (diện tích 61,3 m²) và thuộc một phần của thửa 516 (diện tích 203,6 m²), tờ bản đồ số 01 đất tọa lạc tại ấp Giồng Lớn B, xã Định An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; có tứ cận hướng Bắc (giáp đường đanl) kích thước 2,8 mét; hướng Nam giáp thửa 517 kích thước 2,8 mét; hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 515 kích thước 83,05 mét và phần còn lại của thửa 516, kích thước 16,4 mét; hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 516, kích thước 99.6 mét.

[2.1] Về nguồn gốc của lối đi mặc dù được hình thành từ trước năm 1975, nhưng đây chỉ là lối đi tự phát trong thân tộc của bà Trương Thị N (vợ ông D) và ông Trần Văn T (chồng của bà M). Qua các thời kỳ kê khai đăng ký trong tư liệu

địa chính năm 1983, 1994 và 2014 thì trên bản đồ địa chính không có thể hiện lối đi. Quá trình xác minh tại địa phương thì chính quyền địa phương không có quy hoạch lối đi này làm lối đi công cộng, hiện nay phía trong lối đi này chỉ có một hộ ông Nguyễn Văn D đang đi lại sinh hoạt hằng ngày; phía bị đơn bà Huỳnh Thị M chưa có rào lại phần lối đi này, hiện nay ông D vẫn đi lại sinh hoạt bình thường trên lối đi này. Như vậy, quyền về lối đi qua của ông D theo quy định tại Điều 254 của Bộ luật dân sự năm 2015 là chưa bị xâm phạm lẽ ra không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông D về yêu cầu giữ nguyên hiện trạng lối đi. Tuy nhiên, nhận thấy ngoài lối đi này thì ông D không còn lối đi nào khác để đi ra đường công cộng, xét nhu cầu về lối đi là cần thiết và chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D và ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị M (chủ sử dụng của thửa đất 516) và ông Ngô Hồng Th (chủ sử dụng của thửa đất 515) giữ nguyên hiện trạng lối đi theo hiện trạng xem xét thẩm định tại chỗ đối với phần lối đi có diện tích 264,9 m² thuộc một phần của thửa 515 (diện tích 61,3 m²) và thuộc một phần của thửa 516 (diện tích 203,6 m²), tờ bản đồ số 01 đất tọa lạc tại ấp Giồng Lớn B, xã Định An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; có tứ cận đã nêu ở phần trên.

[2.2] Đối với yêu cầu được mắc đường dây tải điện trên lối đi của ông D xét thấy, trong quá trình tố tụng, thông qua việc vận động của chính quyền địa phương thì chủ sử dụng của thửa đất 1196 đã đồng ý cho ông D mắc đường dây tải điện đi qua thửa đất 1196; việc mắc đường dây tải điện đã được Công ty điện nông thôn Trà Cú thực hiện xong, hiện nay phía ông D đã có điện sinh hoạt. Như vậy, nhu cầu về hệ thống điện, phục vụ nhu cầu sinh hoạt của ông D đã được đảm bảo. Do đó, việc ông D yêu cầu mắc đường dây tải điện trên lối đi qua thửa đất 516 là không phù hợp nên không chấp nhận.

[3] Quan điểm của Vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận một phần về việc giữ nguyên hiện trạng lối đi cho ông D được đi lại, sinh hoạt. Đối với yêu cầu công nhận phần lối đi cho ông D được sử dụng vĩnh viễn thì không có căn cứ, ngoài phạm vi yêu cầu ông D nên không chấp nhận.

[4] Quan điểm của Vị Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú có căn cứ chấp nhận một phần về việc giữ nguyên hiện trạng lối đi diện tích 264,9 m² thuộc một phần của thửa 515 (diện tích 61,3 m²) và thuộc một phần của thửa 516 (diện tích 203,6 m²), tờ bản đồ số 01 đất tọa lạc tại ấp Giồng Lớn B, xã Định An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; phía Bắc (giáp đường đê) kích thước 2,8 mét; phía Nam giáp thửa 517 kích thước 2,8 mét; phía Đông giáp phần còn lại của thửa 515 kích thước 83,05 mét và phần còn lại của thửa 516, kích thước 16,4 mét; phía Tây giáp phần còn lại của thửa 516, kích thước 99,6 mét. Riêng đối với quan điểm của Vị đại diện viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn D được mắc đường dây tải điện đi qua thửa đất 516 (đi qua phần lối đi) thì không phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D chỉ được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Tuy nhiên, do nguyên đơn ông Nguyễn Văn D là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (chi phí tố tụng): Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D tự nguyện chịu chi phí tố tụng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 2 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 254, Điều 255 Bộ luật dân sự 2015; Điều 171 Luật đất đai 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn bà Huỳnh Thị M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Hồng Th.

Giữ nguyên hiện trạng lối đi diện tích 264,9 m² thuộc một phần của thửa 515 (diện tích 61,3 m²) và thuộc một phần của thửa 516 (diện tích 203,6 m²), tờ bản đồ số 01 đất tọa lạc tại ấp Giồng Lớn B, xã Định An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; có tứ cận hướng Bắc (giáp đường đaml) kích thước 2,8 mét; hướng Nam giáp thửa 517 kích thước 2,8 mét; hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 515 kích thước 83,05 mét và phần còn lại của thửa 516, kích thước 16,4 mét; hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 516, kích thước 99.6 mét.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D về việc yêu cầu mắc đường dây tải điện đi qua thửa đất 516 (qua phần lối đi).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn D.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (chi phí tố tụng): Bằng 3.769.934 đồng, ông Nguyễn Văn D phải chịu nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng mà ông D đã nộp trước bằng 3.769.934 đồng nên ông D không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã Định An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thuônê